

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hằng

2. Bà Dương Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 ngày 12 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/TB-TA ngày 21 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Nga, sinh năm 1992; ĐKKHKT: Cụm 5 T, V, Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn 6 T, Định Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 46 đường N, C, Hải An, Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2022, trong các bản tự khai, lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng năm 03/6/2013 và sinh sống tại Số nhà 46 đường Nguyễn Lân, Cát Bi, Hải An, Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019, anh H vi phạm pháp luật và phải chấp hành án 06 tháng về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Do anh H làm nghề tự do, thường xuyên dính níu tới pháp luật, chị nhiều lần phải đứng ra chạy vạy lo cho anh H tuy nhiên vì con nên tôi vẫn phải cố gắng. Sau khi ra tù, vợ chồng sống hòa thuận một thời gian đến khi tôi phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với bạn tôi. Sau đó, anh H có nhận sai và xin lỗi cũng như mong muốn có cơ hội để thay đổi. Tuy nhiên, đầu năm 2022 tôi phát hiện anh H vẫn tiếp tục mối quan hệ nêu trên nên tôi đã nộp đơn tới Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chuyển về nhà ngoại tại thôn 6 Tam Đồng, Định Tiến, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian đó, anh H có về nhà ngoại xin tôi tha thứ và cũng vì nghĩ cho các con nên đến tháng 9/2022 tôi lại quay về cũng như cho cháu lớn đi học tiểu học tại Cát Bi, Hải An, Hải Phòng. Tuy nhiên, anh H không thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tôi để về nhà ngoại từ tháng 10/2022 đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn H để được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Vũ Lê Hải N sinh ngày 09/7/2013 và cháu Vũ Ngân Hsinh ngày 17/01/2019. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Ngân Hà và giao con chung cháu Hải Nam cho anh H nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N xin chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - anh Vũ Văn H tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2023 tại Tòa án trình bày: Anh xác nhận trình bày của chị N về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn là đúng. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2022, chị N có nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người khác nhưng tính chất công việc anh giao lưu để xây dựng kinh tế cho gia đình. Anh đã giải thích nhưng chị N không tin và gây sự cãi nhau và bỏ về nhà ngoại sinh sống khoảng 06 tháng nay, anh vẫn cấp dưỡng nuôi con cho chị Nga. Vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng do các con còn nhỏ nên anh không muốn ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải.

Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung là Vũ Lê Hải N sinh năm 2013 và cháu Vũ Ngân Hsinh năm 2019. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu nuôi cả hai con do có thu nhập cao hơn chị Nga.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc và trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Vũ Văn H .

Về con chung: Giao con chung Vũ Lê Hải N sinh ngày 09/7/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Vũ Ngân Hsinh ngày 17/01/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Vũ Văn H vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê Thị N vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nga.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng năm 03/6/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị sống hoà thuận, sau mâu thuẫn phát sinh mâu thuẫn nhân là do anh H không tu chí làm ăn, giữa anh chị xảy ra bất đồng trong quan điểm sống và suy nghĩ cũng như không còn tin tưởng nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được nên đến cuối năm 2022 khi mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H và tiến hành hòa giải nhưng anh H không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến tới Tòa án, không tham dự hòa giải theo triệu tập của Tòa án. Đây là lần thứ hai anh H vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, là tự từ bỏ quyền lợi của mình trước tòa, đồng thời thể hiện anh Duy không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Vũ Văn H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là 02 con chung là Vũ Lê Hải N sinh ngày 09/7/2013 và cháu Vũ Ngân Hsinh ngày 17/01/2019. Ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con chung Ngân Hà và giao con chung Hải Nam cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; anh H có yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, kể từ thời điểm ly thân đến nay, cháu Ngân Hà ở với chị N và cháu Hải Nam ở với anh H ổn định, cả hai anh chị đều có công ăn việc làm và có thu nhập đủ để nuôi dưỡng con chung cũng như có sự giúp đỡ của gia đình trong việc chăm sóc con nhỏ. Do vậy, yêu cầu về giao con chung của chị N là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử chị Lê Thị N được ly hôn anh Vũ Văn H .

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Lê Hải N sinh ngày 09/7/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Vũ Ngân Hsinh ngày 17/01/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị N đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0004825 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị N và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thường